TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2023
V/v: *"Tranh chấp xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Ch tọa phiên toà: Ông **Chung Quốc Hội**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Tấn Đấu**

2. Ông **Đinh Quang Tuyến**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lâm Thanh Toàn -** Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc*:** Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Kim E**, sinh năm 1973 (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Lê Thanh Ch**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Kim E trình bày:

Bà Trần Kim E và ông Lê Thanh Ch bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con tên Lê Thanh Ngh, sinh năm 1995 và Lê Thị T, sinh năm 1997 đã trưởng thành.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, không thể hàn gắn, vợ chồng không thể tự giải quyết

những mâu thuẫn tình cảm trong cuộc sống vợ chồng nên hiện không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Bà Trần Kim E yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Bà Kim E xác nhận có 02 người con tên Lê Thanh Ngh, sinh năm 1995 và Lê Thị T, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Kim E xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Kim E xác nhận vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Lê Thanh Ch trình bày:

Ông Ch xác nhận lời trình bày của bà Kim E về quan hệ hôn nhân, mâu Thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân và con chung là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về cách sống, gia đình nay vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay.

Ông Lê Thanh Ch có ý kiến:

Về hôn nhân: Ông Ch thống nhất Tận tình ly hôn với bà Kim E.

Về con chung: Ông Ch xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con tên Lê Thanh Ngh, sinh năm 1995 và Lê Thị T, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ch xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ch xác nhận vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Kim E có đơn yêu cầu vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Kim E.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Kim E, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Thanh Ch có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim E và ông Ch tự nguyện tìm hiểu thương nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Kim E và ông Ch chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên hôn nhân giữa bà Trần Kim E và ông Lê Thanh Ch không hợp pháp.

[4] Về con chung: Bà Kim E và ông Ch xác nhận vợ chồng có 02 người con tên Lê Thanh Ngh, sinh năm 1995 và Lê Thị T, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Kim E và ông Ch xác nhận vợ chồng tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Kim E và ông Ch xác nhận vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Kim E phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

- Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Kim E và ông Lê Thanh Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Kim E và ông Ch có 02 người con tên Lê Thanh Ngh, sinh năm 1995 và Lê Thị T, sinh năm 1997 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Kim E và ông Ch xác nhận vợ chồng tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Kim E và ông Ch xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Kim E phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng. Bà Kim E đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai T số 0000808 ngày 14/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc. Khấu trừ tiền án phí, bà Kim E đã nộp xong, không phải nộp thêm.

6. Ông Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Kim E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Quốc Hội